

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T – TP H

-----***-----

Số: 13/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

T, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 638/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa:

* **Nguyên đơn**: Chị Tăng Thị N, sinh năm 1976

HKTT: Đội xxx, xã T, huyện T, TP. H

Nơi cư trú: Số nhà xxx/xxx, ngõ xxx, xã T, huyện T, H

* **Bi đơn**: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1973

HKTT: Đội xxx, xã N, huyện T, TP. H

Nơi cư trú: Số nhà xxx, ngõ xxx, xã T, huyện T, H

Căn cứ Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Tăng Thị N và anh Hoàng Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về hôn nhân: Chị Tăng Thị N và anh Hoàng Văn V cùng thuận tình ly hôn.

*Về con chung: Chị Tăng Thị N và anh Hoàng Văn V xác nhận có 01 (Một) con chung là cháu Hoàng Lê M, sinh ngày 28/7/2003, cháu M đã trưởng thành, đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung và nhà đất chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

*Về công nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

*Về án phí: Chị Tăng Thị N tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0063120 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, Thành phố H. Hoàn trả chị N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân H.T;
 - Chi cục Thi hành án Dân sự H.T;
 - UBND TT S, Huyện G, H;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 ngày 04/11/2002);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

Thẩm phán

Lê Huyền Thu